TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 9 - 2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyến

Ông Đinh Công Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Th tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Sùng A Ch, sinh năm: 1986; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã MT, huyện Th, tỉnh L. *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Chị Thào Thị S, sinh năm: 1985; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã MT, huyện Th, tỉnh L. Chị Thào Thị S đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh L. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2021, các lời khai trong quá T giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Sùng A Ch T bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng A Ch và chị Thào Thị S tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đến ngày 04/7/2007 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện Th, tỉnh L.

Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Bản H, xã MT, huyện Th, tỉnh L. Sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Sùng A Ch vi phạm pháp luật phải chấp hành án về tội "Cố ý gây thương tích", trong thời gian anh Ch đi chấp hành án, đến ngày 30/7/2013 chị S bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Sau khi chấp hành án xong trở về địa phương, anh Ch đã thông báo với chính quyền địa phương và tìm mọi cách để liên lạc nhưng không có tin tức gì của chị S. Để ổn định cuộc sống, anh Sùng A Ch có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Th tuyên bố chị S mất tích. Ngày 06/01/2021 chị Thào Thị S bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐDS-ST của Tòa án nhân dân huyện Th. Kể từ ngày bị tuyên bố mất tích đến nay chị S không trở về địa phương và không có tin tức gì. Do chị S bỏ đi đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Ch yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Thào Thị S.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Sùng A Ch và chị Thào Thị S có bốn con chung chưa thành niên là cháu Sùng A D, sinh ngày 15/12/2004; Cháu Sùng Chính T, sinh ngày 07/11/2007 (cháu T chết năm 2020); Cháu Sùng A M, sinh ngày 25/10/2009; Cháu Sùng Thị Nguyệt H, sinh ngày 15/11/2012 (cháu H đi cùng chị S từ năm 2013 đến nay không có tin tức gì). Hiện nay, cháu D, cháu M đang ở cùng với anh Ch. Do chị S đã bị tuyên bố mất tích, cháu H đi cùng chị S đến nay không có tin tức gì nhưng anh Ch có nguyện vọng nuôi cả ba con chung là cháu Sùng A D, Sùng A M, Sùng Thị Nguyệt H (khi cháu H trở về địa phương) và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện anh Ch đã nộp cho Tòa án bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 45/2015 ngày 04/7/2007 của UBND xã MT, huyện Th, tỉnh L cấp cho chị Thào Thị S và anh Sùng A Ch; Bản sao giấy khai sinh cháu Sùng A D, số 93 ngày 04/7/2007; bản sao giấy khai sinh cháu Sùng A M, số 199 ngày 05/10/2010; bản sao giấy khai sinh cháu Sùng Thị Nguyệt H, số 40 ngày 18/3/2013 do UBND xã MT, huyện Th, tỉnh L cấp; Trích lục khai tử số 30/TLKT ngày 02/8/2021 của cháu Sùng Chính T do UBND xã MT, huyện Th, tỉnh L cấp; Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh L về việc tuyên bố chị Thào Thị S mất tích.

Tòa án nhân dân huyện Th đã thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại UBND xã MT, huyện

Th, tỉnh L. Kết quả xác minh chị Thào Thị S và cháu Sùng Thị Nguyệt H hiện tại không có mặt tại nơi cư trú. Đảm bảo đúng T tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Th quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Sùng A Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Thào Thị S và có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là các cháu Sùng A D, Sùng A M, Sùng Thị Nguyệt H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Chị Thào Thị S đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá T giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn đã được Tòa án đảm bảo về các quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 39, Điều 68 của Bộ luật dân sự; Các Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Sùng A Ch. Về con chung: Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và việc chị S đã bị tuyên bố mất tích đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung là các cháu Sùng A D, Sùng A M, Sùng Thị Nguyệt H cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng và không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không có yêu cầu. Về chia tài chung và nợ chung không đề cập giải quyết do đương sự không có yêu cầu. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Sùng A Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là *Ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là chị Thào Thị S có nơi cư trú cuối cùng tại bản H, xã MT, huyện Th, tỉnh L, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th.

Bị đơn là chị Thào Thị S đã bị Tòa án nhân dân huyện Th tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐDS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh L. Toà án nhân dân huyện Th tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Bị đơn là chị Thào Thị S đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Thào Thị S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 45/2015 ngày 04/7/2007 của UBND xã MT, huyện Th, tỉnh L cấp cho chị Thào Thị S và anh Sùng A Ch và lời khai của anh Sùng A Ch xác định anh Ch và chị S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện Th, tỉnh L vào năm 2007, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Sùng A Ch vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, còn chị S đã bỏ đi biệt tích từ năm 2013 đến nay không có tin tức gì. Tháng 01/2021 chị S đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án xác định chị S hiện tại không có mặt tại nơi cư trú. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S biệt tích đã lâu, để ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái anh Ch có yêu cầu ly hôn với chị S. Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Ch là phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Ch và chị S có bốn con chung là các cháu: Sùng A D, sinh ngày 15/12/2004; Cháu Sùng Chính T, sinh ngày 07/11/2007 (cháu T chết năm 2020 do tai nạn giao thông); Cháu Sùng A M, sinh ngày 25/10/2009; Cháu Sùng Thị Nguyệt H, sinh ngày 15/11/2012, cháu H đi cùng chị S từ năm 2013 đến nay không có tin tức gì. Hiện nay, cháu D, cháu M đang ở cùng với anh Ch. Do chị S đã bị tuyên bố mất tích, cháu Sùng Thị Nguyệt H biệt tích cùng với mẹ nhưng chưa bị tuyên bố mất tích hoặc không có căn cứ chứng minh cháu H còn sống hay đã chết do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy giao các cháu Sùng A D, Sùng A M, Sùng Thị Nguyệt H (khi cháu H trở về địa phương) cho anh Sùng A Ch trực tiếp nuôi dưỡng và không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Ch không có yêu cầu là phù hợp.

[4]. Về chia tài sản chung và nợ chung: Do anh Ch không có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Sùng A Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 228, 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39, Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sùng A Ch.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Sùng A Ch ly hôn với chị Thào Thị S.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Sùng A D, sinh ngày 15/12/2004; Cháu Sùng A M, sinh ngày 25/10/2009; Cháu Sùng Thị Nguyệt H, sinh ngày 15/11/2012 cho anh Sùng A Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi mỗi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, trong trường hợp chị Thào Thị S trở về địa phương chị S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Ch. Anh Ch có quyền yêu cầu chị S cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Thào Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không phải giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Sùng A Ch phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ch đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0000557 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh L nay chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L
- VKSND huyện Than Uyên
- Chi cục THA dân sự huyện Th
- Các đương sự
- UBND xã MT
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Quàng Thị Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L
- VKSND huyện Than Uyên
- Chi cục THA dân sự huyện Th
- Các đương sự
- UBND xã MT
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quàng Thị Phương